

BỘ Y TẾ  
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2024

**GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 7095 /2024/ĐKSP

Cục An toàn thực phẩm xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tổ chức cá nhân: CÔNG TY TNHH MADI INTERNATIONAL

Địa chỉ: 92, Đường số 85, Phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0938556368

Fax:

E-mail: dinhtoanftu@gmail.com

Cho sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe ASHWAGANDHA do APPLIED NUTRITION LIMITED Địa chỉ: Unit AC2 Trio, Acomfield Road, Knowsley Industrial Estate, Liverpool, L33 7UG, Vương quốc Anh sản xuất, phù hợp tiêu chuẩn nhà sản xuất số: ANL - AWG - 03 ngày 18 tháng 10 năm 2024.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Chu Quốc Thịnh**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 1/2024/0314117369-DKCB

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH MADI INTERNATIONAL

Địa chỉ: 92, Đường số 85, Phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0938556368 Fax:

E-mail: dinhtoanftu@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0314117369

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe ASHWAGANDHA

2. Thành phần:

Trong 1 viên nang cứng chứa:

Bột chiết xuất sâm Ấn Độ (rễ) (*Withania Somnifera* L) 10:1\*.....300 mg

\*: Tỷ lệ chuyển đổi giữa nguyên liệu thô và thành phẩm. Bột chiết xuất Sâm Ấn độ (rễ) được tiêu chuẩn hóa chứa 5.1%-7% withanolides (Tương đương. withanolides: 15.3 mg - 21 mg).

Phụ liệu: Hydroxypropyl Methylcellulose (Vỏ nang chay).

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức công bố
Sâm Ấn Độ	Định tính	Dương tính
Withanolides	mg/viên	15.3 - 21

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong lọ PET; phù hợp với quy định của Bộ Y tế về bao bì sản phẩm.

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 39g (60 viên/lọ). Khối lượng viên: 650 mg ± 10%.

Dạng bào chế: viên nang cứng.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Anh

Nhà sản xuất: APPLIED NUTRITION LIMITED

Địa chỉ: Unit AC2 Trio, Acornfield Road, Knowsley Industrial Estate, Liverpool, L33 7UG,

Vương Quốc Anh



### III. Mẫu nhãn sản phẩm

Mẫu nhãn sản phẩm theo file đính kèm

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo Bản tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số ANL - AWG - 03 ngày 18 tháng 10 năm 2024. Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



*Lưu Đình Toàn*



Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH MADI INTERNATIONAL

Địa chỉ: 92 Đường Số 85, Phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe ASHWAGANDHA

Ashtwagandha Extracts and KSM-66 Ashwagandha are quality botanicals containing the best of Ashwagandha.

**KEY BENEFITS**

- ✓ Supports for chronic pain
- ✓ Provides relief and support for cognitive and memory related to stress

**APPLICABLE FOR**

Every capsule within this product is certified to contain 500mg of KSM-66 Ashwagandha. This product is a natural source of Ashwagandha. The product is a natural source of Ashwagandha. The product is a natural source of Ashwagandha.

**WARNING:** Check with a health care professional before using this product. This product is not intended to diagnose, treat, cure, or prevent any disease. It is not intended to be used as a substitute for a meal or other food. Always use this product as directed. Do not use if you are pregnant or nursing. Do not use if you are taking any medication. Do not use if you are taking any medication.

FOOD SUPPLEMENT



# ASHWAGANDHA

KSM-66®

60 CAPSULES



**REGISTERED:** U.S. Patent 7,220,811 (2004) & 7,220,812 (2004) U.S. Patents

**INGREDIENTS:** KSM-66® Ashwagandha Extract (Withanolide 10.1%), MFC, Vegetable Capsule Shell.

**ALLERGENS:** No common allergens detected. Made in a facility that handles soy, wheat, eggs, fish, gelatin and product traces.



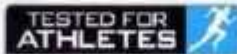
DE / FR / IT / AU / IN / PH / US



# ASHWAGANDHA

KSM-66®

60 CAPSULES



**SUGGESTED USE:** Take one serving (1 capsule) twice a day preferably with food.

### NUTRITIONAL INFORMATION

**Serving Size:** 1 Capsule - **Servings Per Container:** 60

	<b>Per Serving</b>
KSM-66® Ashwagandha Extract (Withania Somnifera L)	300 mg

**INGREDIENTS:** KSM-66® Ashwagandha Extract (Withania Somnifera L), HPMC (Vegetarian Capsule Shell).

**ALLERGENS:** No common allergens included. Made in a facility that handles milk, soy, eggs, fish, gluten and product thereof.

Manufactured in the UK by:  
**Applied Nutrition Limited**  
Trio, Acornfield Road,  
Knowsley, L33 7UG (UK)  
Unit 495, Moat House,  
54 Bloomfield Avenue,  
Belfast, BT5 5AD (EU)



5 056555 204924 >


DE / FR / IT / ES / NL / PL / SE ▶



**Ashwagandha Extract** is one of Applied Nutrition's premium quality herbal formulas containing standardised extracts.

### KEY BENEFITS

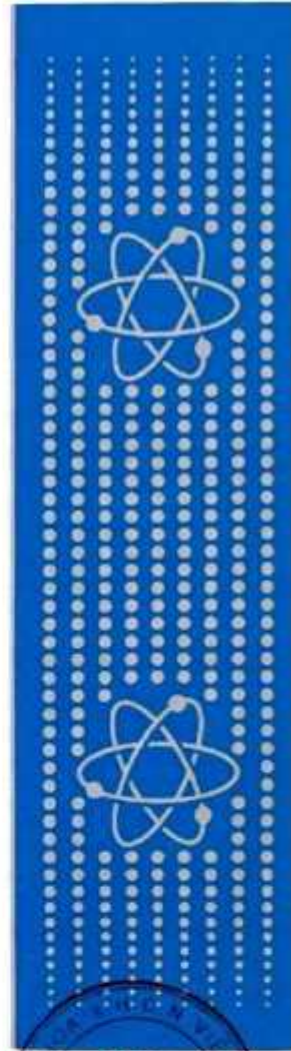
- ✓ Suitable for all training goals
- ✓ Plant based veggie shell well suited for consumers with dietary, religious or cultural restrictions

TESTED FOR ATHLETES  GMP

Every ingredient within this product is carefully selected and monitored through our quality management system to bring you the highest level of assurance. Final products are produced and packaged in an ISO 22000, BRC, GMP accredited laboratory.

**CAUTION:** Check with a qualified health professional before using this product if you are under the age of 18, pregnant or nursing a baby or if you have any known or suspected medical condition(s) or are taking any prescription or OTC medication(s). Not to be used as a substitute for a varied diet and healthy lifestyle. Store this product in a cool dry place, away from children. Do not exceed suggested use. For best before date and batch number see label.

**FOOD SUPPLEMENT**



*Lưu Vĩnh Hoàn*



101.02.01.11

## NỘI DUNG NHÂN PHỤ

# Thực phẩm bảo vệ sức khỏe ASHWAGANDHA

**Thành phần cấu tạo:**

**Trong 1 viên nang cứng chứa:**

Bột chiết xuất sâm Ấn Độ (rễ) (Withania Somnifera L) 10:1\*.....300 mg

\*: Tỷ lệ chuyển đổi giữa nguyên liệu thô và thành phẩm. Bột chiết xuất Sâm Ấn độ (rễ) được tiêu chuẩn hóa chứa 5.1%-7% withanolides (Tương đương. withanolides: 15.3 mg - 21 mg).

**Phụ liệu:** Hydroxypropyl Methylcellulose (Vỏ nang chay).

**Công dụng:** Hỗ trợ tăng cường sức đề kháng.

*Lưu ý: Thực phẩm này không phải là thuốc, không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh.*

**Đối tượng sử dụng:** Người trưởng thành

**Hướng dẫn sử dụng:** Nên uống một khẩu phần (1 viên) hai lần một ngày với bữa ăn

*Lưu ý:*

- Người có thể trạng dễ dị ứng nên cẩn trọng khi sử dụng sản phẩm vì có thể bị mẫn cảm
- Phụ nữ mang thai và cho con bú hoặc đang có kế hoạch mang thai nên tham khảo lời khuyên từ bác sĩ trước khi sử dụng.
- Kiểm tra với chuyên gia y tế có bằng cấp trước khi sử dụng sản phẩm này nếu bạn dưới 18 tuổi, mang thai hoặc đang cho con bú hoặc nếu bạn có bất kỳ tình trạng bệnh lý nào đã biết hoặc nghi ngờ hoặc đang dùng bất kỳ loại thuốc theo toa hay OTC nào.
- Không được sử dụng để thay thế cho một chế độ ăn uống đa dạng và lối sống lành mạnh.
- Không sử dụng vượt quá liều dùng khuyến nghị.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản sản phẩm này ở nơi khô ráo thoáng mát, tránh xa trẻ em.

**Ngày sản xuất:** 24 tháng trước hạn sử dụng.

**Hạn sử dụng:** Xem trên bao bì sản phẩm

**Quy cách đóng gói:** Khối lượng tịnh: 39g (60 viên/lọ). Khối lượng viên: 650 mg ± 10%.

**Xuất xứ và tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm:**

- Xuất xứ: Anh

Nhà sản xuất: APPLIED NUTRITION LIMITED

Địa chỉ: Unit AC2 Trio, Acomfield Road, Knowsley Industrial Estate, Liverpool, L33 7UG, Vương Quốc Anh

- Tổ chức công bố, nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

CÔNG TY TNHH MADI INTERNATIONAL

Địa chỉ: 92 Đường số 85, Phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số ĐKSP:...



*Lưu Đình Toàn*

No: ANL - AWG - 03

October 18, 2024

## PRODUCT SPECIFICATION

1. Name Product: ASHWAGANDHA

2. Ingredients:

Each capsule contains:

Ashwagandha (root) extract powder (Withania Somnifera L)10:1\* 300 mg

Excipients: Hydroxypropyl Methylcellulose (Vegetarian capsule shell).

\*: The conversion ratio between the raw material and finished. Ashwagandha (root) extract powder standardized 5.1%-7% withanolides (Equiv. withanolides: 15.3 mg - 21 mg).

3. Key Quality Indicator For Product Usage:

Ingredient	Unit	Standard
Ashwagandha	Qualitative	Positive
Withanolides	mg/capsule	15.3 - 21

4. Heavy metal specifications:

Items	Unit	Standard
Lead (Pb)	mg/kg	≤ 3
Cadmium (Cd)	mg/kg	≤ 1
Mercury (Hd)	mg/kg	≤ 0.1

5. Microbiological specifications:

Items	Unit	Standard
Total plate count	CFU/g	≤ 10000
Total yeast and mould	CFU/g	≤ 100
Cl.perfringens	CFU/g	≤ 10
E.coli	CFU/g	≤ 10
Coliforms	CFU/g	≤ 10
Salmonella	/25g	Not detected



ENDURANCE



**6. Other Information:**

Storage condition	Store in a cool dry place, away from children
Dosage form	Hard capsule
Packaging size	60 capsules (39g)
Using	2 capsules/day
Total weight	650 mg ± 10%
Shelf life	2 years
Packaging material	PET bottle


 Applied Nutrition Limited  
 Trio, Acornfield Road,  
 Knowsley, L33 7UG  
 Company No: 09131749  
 VAT No: 195023511  


**Shaun Mangan**  
 Operations Manager



*Lưu Đình Toàn*



APPLIED  
NUTRITION  
ASWAGANDHA  
KSM-66  
60 VIÊN

60 KHẪU PHẦN

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:** Nên uống một khẩu phần (1 viên) hai lần một ngày với bữa ăn.

**THÔNG TIN DINH DƯỠNG**

Khẩu phần: 1 viên - Khẩu phần mỗi hộp: 60

Mỗi khẩu phần

KSM-66 Chiết xuất sâm Ấn Độ (Withania Somnifera L)	300 mg
--	--------

**THÀNH PHẦN:** KSM-66 Chiết xuất sâm Ấn Độ (Withania Somnifera L), HPMC (Vỏ nang chay).

**CHẤT GÂY DỊ ỨNG:** Không bao gồm các chất gây dị ứng thông thường. Được sản xuất tại cơ sở xử lý sữa, đậu nành, trứng, cá, gluten và sản phẩm của chúng.

Được sản xuất tại Anh bởi:  
Applied Nutrition Limited  
Trio, Acornfield Road, Knowsley, L33 7UG (UK)  
Unit 495, Moat House, 54 Bloomfield Avenue, Belfast, BT5 5AD (EU)

**Chiết xuất Ashwagandha** là một trong những công thức thảo dược chất lượng cao của Applied Nutrition có chứa chiết xuất tiêu chuẩn hoá

**Lợi ích chính**

- Phù hợp với mọi mục tiêu luyện tập
- Vỏ nang chay làm từ thực vật rất phù hợp với người tiêu dùng có chế độ ăn kiêng, theo tôn giáo hoặc hạn chế văn hoá

**GMP được kiểm tra**

Mọi thành phần trong sản phẩm này đều được lựa chọn và giám sát cẩn thận thông qua hệ thống quản lý chất lượng của chúng tôi để mang đến cho bạn mức độ đảm bảo cao nhất. Sản phẩm cuối cùng được sản xuất và đóng gói trong phòng thí nghiệm được công nhận ISO 22000, BRC, GMP

**Cảnh báo:** Kiểm tra với chuyên gia y tế có bằng cấp trước khi sử dụng sản phẩm này nếu bạn dưới 18 tuổi, mang thai hoặc đang cho con bú hoặc nếu bạn có bất kỳ tình trạng bệnh lý nào đã biết hoặc nghi ngờ hoặc đang dùng bất kỳ loại thuốc theo toa hay OTC nào. Không được sử dụng để thay thế cho một chế độ ăn uống đa dạng và lối sống lành mạnh. Bảo quản



Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

Đặng Thị Hiền Mai

**LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

Hôm nay, ngày 08 tháng 10 năm 2024 (Ngày mùng tám, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Vũ Thị Phương* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

**CHỨNG NHẬN**

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt .

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;

- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;

- Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 03 tờ, 03 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 22750 Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



*Vũ Thị Phương*

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH MADI INTERNATIONAL

Địa chỉ: 92 Đường Số 85, Phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe ASHWAGANDHA

ASHWAGANDHA (Withania somnifera) is a natural herb that has been used for centuries in Ayurvedic medicine to support overall health and vitality.

**KEY BENEFITS**

- ✓ Supports energy levels
- ✓ Promotes healthy sleep
- ✓ Supports overall health and vitality

**INGREDIENTS**

60 Capsules (3000mg) containing 6000mg of Ashwagandha KSM-66®. Other ingredients include: Capsule Shell (Hypromellose, Polyethylene Glycol 400, Croscarmellose Sodium, Hydroxypropyl Methylcellulose, Magnesium Stearate, Polyethylene Glycol 6000, Polyethylene Glycol 4000, Polyethylene Glycol 3350, Polyethylene Glycol 200, Polyethylene Glycol 150, Polyethylene Glycol 100, Polyethylene Glycol 75, Polyethylene Glycol 50, Polyethylene Glycol 35, Polyethylene Glycol 25, Polyethylene Glycol 15, Polyethylene Glycol 10, Polyethylene Glycol 5, Polyethylene Glycol 3, Polyethylene Glycol 2, Polyethylene Glycol 1, Polyethylene Glycol 0.5, Polyethylene Glycol 0.25, Polyethylene Glycol 0.125, Polyethylene Glycol 0.0625, Polyethylene Glycol 0.03125, Polyethylene Glycol 0.015625, Polyethylene Glycol 0.0078125, Polyethylene Glycol 0.00390625, Polyethylene Glycol 0.001953125, Polyethylene Glycol 0.0009765625, Polyethylene Glycol 0.00048828125, Polyethylene Glycol 0.000244140625, Polyethylene Glycol 0.0001220703125, Polyethylene Glycol 0.00006103515625, Polyethylene Glycol 0.000030517578125, Polyethylene Glycol 0.0000152587890625, Polyethylene Glycol 0.00000762939453125, Polyethylene Glycol 0.000003814697265625, Polyethylene Glycol 0.0000019073486328125, Polyethylene Glycol 0.00000095367431640625, Polyethylene Glycol 0.000000476837158203125, Polyethylene Glycol 0.0000002384185791015625, Polyethylene Glycol 0.00000011920928955078125, Polyethylene Glycol 0.000000059604644775390625, Polyethylene Glycol 0.0000000298023223876953125, Polyethylene Glycol 0.00000001490116119384765625, Polyethylene Glycol 0.000000007450580596923828125, Polyethylene Glycol 0.0000000037252902984619140625, Polyethylene Glycol 0.00000000186264514923095703125, Polyethylene Glycol 0.000000000931322574615478515625, Polyethylene Glycol 0.0000000004656612873077392578125, Polyethylene Glycol 0.00000000023283064365386962890625, Polyethylene Glycol 0.000000000116415321826934814453125, Polyethylene Glycol 0.0000000000582076609134674071765625, Polyethylene Glycol 0.00000000002910383045673370358828125, Polyethylene Glycol 0.000000000014551915228366851794140625, Polyethylene Glycol 0.0000000000072759576141834258970703125, Polyethylene Glycol 0.00000000000363797880709171294853515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000018189894035458564742678125, Polyethylene Glycol 0.00000000000090949470177292823713390625, Polyethylene Glycol 0.000000000000454747350886461918565453125, Polyethylene Glycol 0.0000000000002273736754432309592827265625, Polyethylene Glycol 0.00000000000011368683772161547964136328125, Polyethylene Glycol 0.000000000000056843418860807739820681640625, Polyethylene Glycol 0.00000000000002842170943040386991034078125, Polyethylene Glycol 0.000000000000014210854715201934955170390625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000071054273576009674775851953125, Polyethylene Glycol 0.00000000000000355271367880048373879259765625, Polyethylene Glycol 0.000000000000001776356839400241869396298828125, Polyethylene Glycol 0.0000000000000008881784197001209346981494140625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000444089209850060469849074703125, Polyethylene Glycol 0.0000000000000002220446049250302349245373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000111022302462515117462268678125, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000555111512312555873111343390625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000002775557561562779365567167953125, Polyethylene Glycol 0.000000000000000013877787807813896827835839765625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000069388939039069484139179198828125, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000346944695195347420695895994140625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000173472347597673710347949798828125, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000867361737988368551739748994140625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000043368086899418427586984949703125, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000216840434497092137934947498515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000108420217248546068967473749428125, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000542101086242730344837368747140625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000271050543121365172418684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000001355252715606825862092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000006776263578034129310461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000003388131789017064655230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000001694065894508532327615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000008470329472542661163807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000004235164736271330581903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000002117582368135665290951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000001058791184067826454975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000529395592033913274887975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000002646977960169566637443975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000013234889800847833187221975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000006617444900423916586110975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000033087224502119582930554975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000165436122510597914672774975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000008271806125529895733613874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000041359030627649478668069374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000206795153138247393340346874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000001033975765691236966701734374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000005169878828456184833508671874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000025849394142280924167543359374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000129246970711404620837716796874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000646234853557023104188883984374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000032311742677851155209444196874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000161558713389257776047220984374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000080779356694628888023610496874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000403896783473144440118052484374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000002019483917365722200590262421874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000001009741958682861100295131241874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000005048709793414305501475656209374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000025243548967071527500737781046874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000012621774483535763750036890523374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000000631088724176788187500184476116874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000031554436208839409375000922380584374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000001577721810441970468750004611902921874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000000078886090522098523437500023059509609374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000003944304526104926171875000115297548046874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000197215226305246308593750000576487740374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000000009860761315262316429687500002882438701874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000049303806576311571484375000014412193509374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000000002465190328815785737218750000072060967546874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000012325951644078928686093750000036030483774975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000000061629758220394643430468750000018015241874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000003081487911019732171523437500000090076209374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000000000154074395550986608576171671875000000450381046874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000000007703719777549330428808583593750000002251905234374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000000385185988877466521440429179687500000011259526171874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000000000019259299443873326072021458984375000000056297630859374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000000000009629649721936663036010729492187500000000281488154296874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000000048148248609683315180053647460937500000001407440771484374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000000000002407412430484165759002682373046875000000000703720385746874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000000000120370621524208287950013411865234375000000003518601928734374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000000000060185310762104143975000670593261718750000000017593009643671874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000000000030092655381052071987500033529663085937500000000087965048218359374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000000001504632769052603599375000167648315429687500000000439825241091796874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000000000007523163845263017996875000083824157629687500000000219912620545896874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000000000003761581922631508998437500004191207881484374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000000000001880790961315754499218750002095603940746874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000000000094039548065787724960937500010478019703734374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000000000000004701977403289386248046875000052390098518671874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000000000000002350988701644693124402343750000261950492593359374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000000000000117549435082234656220117187500001309752462966796874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000000000005877471754111732811005859375000006548762314833984374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000000000002938735877055866405502929687500003274381157216696874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000000000001469367938527933202751464843750000163719057860848374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0000000000000000000000000000000000000007346839692639666013757324218750000081859528930421874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00000000000000000000000000000000000000036734198463198330068786621093750000040927764465209374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000000000000000000000000000000183670992315991650343933104687500000204638822326046874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00918354961579958251719665523046875000001023194111630234374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0045917748078997912585983276171875000005115970558151171874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.002295887403949895629299163808593750000025579852790755896874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.001147943701974947814649581904296875000001278992639537796874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0005739718509874739073247909521484375000000639496319768984374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0002869859254937369536623954760937500000031974815988446874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00014349296274686847683119773804687500000159874079942234374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00717464813734342384155988690234375000000799370399711171874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0035873240686717119207799430511718750000003996851998555896874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.0017936620343358559603899715255896875000000199842599927796874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000896831017167827980194985762796875000000999212999638984374975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.00044841550858391490097247881398437500000049960649981696874975951903807615230461092218684373515625, Polyethylene Glycol 0.000000000000

**SUGGESTED USE:** Take one serving (1 capsule) twice a day preferably with food.

**NUTRITIONAL INFORMATION**

**Serving Size:** 1 Capsule - **Servings Per Container:** 60

	<b>Per Serving</b>
KSM-66® Ashwagandha Extract (Withania Somnifera L)	300 mg

**INGREDIENTS:** KSM-66® Ashwagandha Extract (Withania Somnifera L), HPMC (Vegetarian Capsule Shell).

**ALLERGENS:** No common allergens included. Made in a facility that handles milk, soy, eggs, fish, gluten and product thereof.

Manufactured in the UK by:  
**Applied Nutrition Limited**  
Trio, Acornfield Road,  
Knowsley, L33 7UG (UK)  
Unit 495, Moat House,  
54 Bloomfield Avenue,  
Belfast, BT5 5AD (EU)



DE / FR / IT / ES / NL / PL / SE ►

114  
5NC  
TNI-  
ERK  
45

**Ashwagandha Extract** is one of Applied Nutrition's premium quality herbal formulas containing standardised extracts.

**KEY BENEFITS**

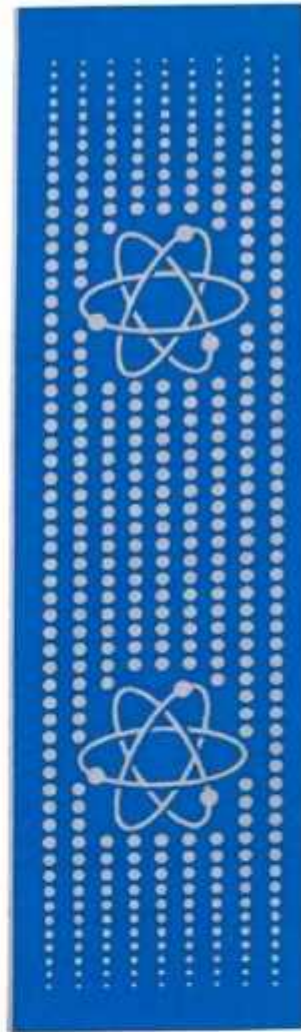
- ✓ Suitable for all training goals
- ✓ Plant based veggie shell well suited for consumers with dietary, religious or cultural restrictions

**TESTED FOR ATHLETES**  **GMP**

Every ingredient within this product is carefully selected and monitored through our quality management system to bring you the highest level of assurance. Final products are produced and packaged in an ISO 22000, BRC, GMP accredited laboratory.

**CAUTION:** Check with a qualified health professional before using this product if you are under the age of 18, pregnant or nursing a baby or if you have any known or suspected medical condition(s) or are taking any prescription or OTC medication(s). Not to be used as a substitute for a varied diet and healthy lifestyle. Store this product in a cool dry place, away from children. Do not exceed suggested use. For best before date and batch number see label.

**FOOD SUPPLEMENT**



*Lưu Đình Hoàn*



Số: ANL - AWG - 03

18 tháng 10 năm 2024

**TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM****1. Tên sản phẩm:** ASHWAGANDHA**2. Thành phần:***Mỗi viên nang chứa:*Bột (rễ) sâm Ấn Độ (*Withania Somnifera* L) 10:1\* 300 mg

Phụ liệu: Hydroxypropyl Methylcellulose (Vỏ nang chay).

\*: Tỷ lệ chuyển đổi giữa nguyên liệu thô và thành phẩm. Bột chiết xuất Sâm Ấn độ (rễ) được tiêu chuẩn hóa chứa 5.1%-7% withanolides (Tương đương, withanolides: 15.3 mg - 21 mg).

**3. Chỉ tiêu chất lượng chính cho công dụng sản phẩm:**

Thành phần	Đơn vị	Tiêu chuẩn
Sâm Ấn Độ	Định tính	Dương tính
Withanolides	mg/capsule	15.3 - 21

**4. Tiêu chuẩn kim loại nặng:**

Mục	Đơn vị	Tiêu chuẩn
Chì (Pb)	mg/kg	≤ 3
Cadmium (Cd)	mg/kg	≤ 1
Thủy ngân (Hg)	mg/kg	≤ 0.1

**5. Tiêu chuẩn vi sinh vật:**

Mục	Đơn vị	Tiêu chuẩn
Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	≤ 10000
Tổng số nấm men và nấm mốc	CFU/g	≤ 100
<i>Cl.perfringens</i>	CFU/g	≤ 10
<i>E.coli</i>	CFU/g	≤ 10
Coliforms	CFU/g	≤ 10
<i>Salmonella</i>	/25g	Không phát hiện

**6. Thông tin khác:****Điều kiện bảo quản** Bảo quản ở nơi khô ráo thoáng mát, tránh xa trẻ em

<b>Dạng bào chế</b>	Viên nang cứng
<b>Quy cách đóng gói</b>	60 viên (39g)
<b>Liều dùng</b>	2 viên/ngày
<b>Tổng khối lượng</b>	650 mg ± 10%
<b>Hạn sử dụng</b>	2 năm
<b>Chất liệu đóng gói</b>	Lọ PET

Applied Nutrition Limited

Trio, Acornfield Road, Knowsley, L33 7 UG

Company No: 09131749

VAT No: 195023511

Shaun Mangan

Giám đốc điều hành

(đã ký, đóng dấu)

10% - 1/1

*Handwritten signature*

*Handwritten initials*

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

Đặng Thị Hiền Mai

**LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2024 (Ngày hai mươi hai, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Vũ Thị Phương* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

**CHỨNG NHẬN**

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 03 bản chính, mỗi bản gồm 03 tờ, 03 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 24195 Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



*Vũ Thị Phương*

AI  
ON  
GU  
E

No: ANL - AWG - 03

October 18, 2024

## PRODUCT SPECIFICATION

**1. Name Product:** ASHWAGANDHA

**2. Ingredients:**

*Each capsule contains:*

Ashwagandha (root) extract powder (Withania Somnifera L)10:1\* 300 mg

Excipients: Hydroxypropyl Methylcellulose (Vegetarian capsule shell).

\*: The conversion ratio between the raw material and finished. Ashwagandha (root) extract powder standardized 5.1%-7% withanolides (Equiv. withanolides: 15.3 mg – 21 mg).

**3. Key Quality Indicator For Product Usage:**

Ingredient	Unit	Standard
Ashwagandha	Qualitative	Positive
Withanolides	mg/capsule	15.3 - 21

**4. Heavy metal specifications:**

Items	Unit	Standard
Lead (Pb)	mg/kg	≤ 3
Cadmium (Cd)	mg/kg	≤ 1
Mercury (Hd)	mg/kg	≤ 0.1

**5. Microbiological specifications:**

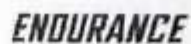
Items	Unit	Standard
Total plate count	CFU/g	≤ 10000
Total yeast and mould	CFU/g	≤ 100
Cl.perfringens	CFU/g	≤ 10
E.coli	CFU/g	≤ 10
Coliforms	CFU/g	≤ 10
Salmonella	/25g	Not detected

6. Other Information:

Storage condition	Store in a cool dry place, away from children
Dosage form	Hard capsule
Packaging size	60 capsules (39g)
Using	2 capsules/day
Total weight	650 mg $\pm$ 10%
Shelf life	2 years
Packaging material	PET bottle

 Applied Nutrition Limited  
Trio, Acornfield Road,  
Knowsley, L33 7UG  
Company No: 09131749  
VAT No: 195023511  


Shaun Mangan  
Operations Manager



**Gửi các bên liên quan:**

Chúng tôi, APPLIED NUTRITION LIMITED địa chỉ tại Unit AC2 Trio, Acornfield Road, Knowsley Industrial Estate, Liverpool, L33 7UG, UK, là nhà sản xuất của sản phẩm: **ASHWAGANDHA**.

Để làm rõ giới hạn trên của thành phần hoạt động, chúng tôi cập nhật tiêu chuẩn sản phẩm số: ANL - AWG - 03, ngày 18 tháng 10 năm 2024.

Vui lòng xem tập tin đính kèm. Chúng tôi cam kết việc thay đổi nội dung kê khai tiêu chuẩn sản phẩm không làm thay đổi bản chất của sản phẩm.

Sự hiểu biết tốt và sự hợp tác nồng nhiệt của bạn sẽ được đánh giá cao.

Trân trọng,

Ngày: 18/10/ 2024

Được phê duyệt bởi

Applied Nutrition Limited

Trio, Acornfield Road, Knowsley, L33 7 UG

Company No: 09131749

VAT No: 195023511

(đã ký, đóng dấu)



A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Mina".

Handwritten initials in blue ink, possibly "M".

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch

Đặng Thị Hiền Mai

### LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 22 tháng 10 năm 2024 (Ngày hai mươi hai, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Chị Phương* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật

### CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 03 bản chính, mỗi bản gồm 02 tờ, 02 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 24196 Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



*Vũ Thị Phương*



FORMULATED BY EXPERTS, TRUSTED BY ATHLETES.

To Whom It May Concern

We, APPLIED NUTRITION LIMITED located at Unit AC2 Trio, Acornfield Road, Knowsley Industrial Estate, Liverpool, L33 7UG, UK, are the manufacturer of the following products: **ASHWAGANDHA**.

To clarify the upper limit of the active ingredient, we update the product specification No: ANL - AWG – 03, date October 18, 2024.

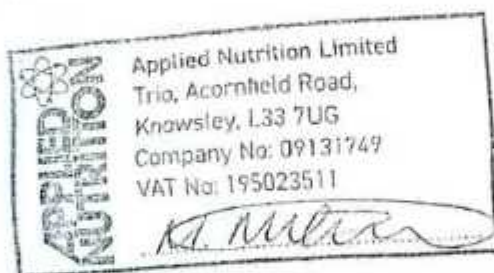
Please see the attached file. We commit that changing the content of specification of product does not change the nature of the product.

Your good understanding and warm cooperation would be highly appreciated.

Sincerely,

Date: October 18, 2024

Approved by:



**ENDURANCE**



Applied Nutrition Limited | Unit AC2 Trio | Acornfield Road | Knowsley | Liverpool | L33 7UG | UK

Office: +44 (0)151 546 9497 | Email: sales@appliednutrition.uk | Web: www.appliednutrition.uk

Registered in England – Company No. 09131749

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/01/2024

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1Y285A1207

Mã KQ/ RP No: 004004524.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY TNHH MADI INTERNATIONAL
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : 92 Đường Số 85, Phường Tân Quy, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 22/01/2024
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 22/01/2024 - 27/01/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Thực phẩm bảo vệ sức khỏe ASHWAGANDHA  
 Nhà sản xuất: APPLIED NUTRITION LIMITED  
 Địa chỉ: Unit AC2 Trio, Acornfield Road, Knowsley Industrial Estate, Liverpool, L33 7UG, UK.
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu dạng viên nang cứng, đựng trong lọ nhựa kín, lọ 60 viên.
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
2	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	0.069	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
3	Thủy ngân (Hg) (*)/ Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
4	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*)/ Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
5	Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)
6	Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
7	Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
8	Tổng số nấm men nấm mốc (*)/ Yeasts and Moulds (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
9	Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	ISO 6579-1:2017


**TSL SCIENCE CO.,LTD**
**HCM Laboratory:** 582A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Nai Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 20.7302.4687

Website: <http://tst-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/05/04

1. (c) Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 27/01/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: LY285A1297  
Mã KQ/ RP. No: Q00000524.00



STT/ No	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
------------	---	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------------------

Chú thích/ Remarks:

- (\*) Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp / LOD: Limit of detection
- Mẫu do khách hàng cung cấp / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT  
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM UYÊN

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR

HUỲNH TÂN CƯỜNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 02-10-2024

Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/BS.  
41348 01



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Vũ Thị Phương

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 502A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tst-net.com.vn>

TS-TTCL-7.80U-01

- (c). Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.